

# THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

## QUYỂN 4 (PHẦN ĐẦU)

Sớ: Ngoại đạo cười nói: Người ngu cũng hiểu v.v...

Hỏi: Như Lai thuyết pháp lừa tứ phi, ngoại đạo nghe kinh tại sao khởi chê bai?

Đáp: Đại sĩ hành hóa nhiều lợi ích, bọn này tuy có chút khinh khi, nhưng người được lợi vô kể, bởi vậy đức Như Lai tứ phi gọi là lừa. Lại ngoại đạo ấy ban đầu tuy tạm chê bai, rốt ráo nương đây dùng làm xuất yếu, trước tổn sau lợi ích, chánh hợp hóa nghi, do đó động tịnh đều là Phật sự.

Sớ: Quyển 66 ghi: Nhiếp thực do các câu.

Xét luận ấy ghi: Hỏi: Nếu có đoạn vật cũng là thực? Giả sử thực cũng là đoạn vật ư?

Đáp: Như thích ứng ấy phải làm bốn câu: hoặc có đoạn vật mà chẳng phải là thực, nghĩa là các đoạn vật không thể trưởng dưỡng các căn đại chủng; hoặc có thức ăn mà chẳng phải đoạn vật, nghĩa là nếu có xúc ý tư và thức, có thể khiến các căn, đại chủng trưởng dưỡng; hoặc có cách ăn này cũng là đoạn vật, nghĩa là các đoạn vật hay khiến các căn đại chủng trưởng dưỡng; hoặc chẳng phải đoạn vật cũng chẳng phải là ăn, nghĩa là nếu có xúc ý tư và thức không thể trưởng dưỡng các căn đại chủng, như vậy các xúc nhãn đến thức tùy theo thích ứng ấy đều làm bốn câu.

Sớ: Quyển 66 ghi: Gọi là xúc thực.

Vì cảnh năng sinh xúc thực trong bốn thực, nhân từ quả gọi là xúc thực. Nếu chuẩn theo Hữu tông, ban đầu chưa biến hoại, cũng được gọi là thực, vì trừ đối khác, nên luận Bà-sa ghi: Thực ở hai thời, hay làm việc thực đều được gọi là thực. Một là khi mới ăn có thể trừ đói khát, hai là tiêu hóa rồi giúp các căn và đại. Có nghĩa Đại thừa lý thật thực ban đầu có thể trừ đói khác cũng được gọi là thực, nghĩa đồng với Hữu tông. Trong Du-già, Đối Pháp lại nói thẳng thực rằng, khi biến hoại gọi

là thực.

**Biện rằng:** Lý tuy có thể như vậy, rõ ràng giáo vận hỏi trái, cho nên Du-già ghi: Nếu các đoạn vật khi nuốt xuống khiến tâm vui mừng, các căn vui thích, bấy giờ đều không gọi là đoạn thực, chỉ gọi là xúc thực. Nếu thọ dụng rồi, an ổn tiêu hóa, tăng trưởng hỷ lạc, ngay lúc tiêu hóa mới gọi là đoạn thực. Nếu có thuần thực biến không thể trưởng dưỡng các căn an lạc, tuy có thuần thực biến nhưng không gọi là đoạn thực. Nếu các đoạn thực ngay khi nuốt xuống chẳng sinh vui mừng, cũng không thể khiến các căn vui thích, lúc ấy đều không gọi là thực. Văn đã trịnh trọng mà giản lược, làm sao hiểu được mà cho rằng căn cứ thù thắng để nói?

Lại Du-già v.v... mong tăng trưởng các căn giúp ích biến hoại mới gọi là thực, tạm trừ đói khát, chưa lợi ích các căn biến hoại tiêu hóa nghĩa thực ở đâu? Do lý này nên không vì đó mà chọn lấy.

Hỏi: Muốn hương vị xúc có được đoạn thực, sắc giới xúc có, họ lập đoạn thực là sao?

Xét luận Câu-xá, ba cõi phân biệt mười tám giới là sắc giới ràng buộc chỉ có mười bốn loại, trừ cảnh hương vị và thức tử thiệt, trừ hương vị là tánh đoạn thực, lìa đoạn thực dục mới được sinh cõi ấy, trừ tử thiệt thức không có sở duyên. Nếu vậy xúc giới ở cõi sắc lẽ ra không như hương vị cảnh tánh đoạn thực, cõi ấy đã có xúc chẳng phải tánh đoạn thực. Nếu vậy hương vị so sánh cũng như vậy. Hương vị lìa đoạn thực không riêng thọ dụng, xúc có dụng riêng, trừ căn y v.v... nó lìa thực dục, hương vị không có dụng; có căn y v.v... nên xúc chẳng phải không có, do sắc giới này tuy có xúc trần không có đoạn thực. Còn lại rộng hỏi đáp như trong chương và Nghĩa Đăng.

**Luận:** Do sắc xứ này chẳng phải đoạn thực.

Lại trong Câu-xá luận quyển 10 cũng giải thích sắc không có thực, sắc cũng có thể thành đoạn khác với ăn nuốt, duyên nào chẳng phải thực? Đây không thể lợi ích tự sở đối căn giải thoát. Phạm gọi là thực trước ắt giúp ích tự căn đại chủng sau đó đến các pháp khác, khi ăn nuốt sắc tự căn lớn còn không làm lợi ích hưởng gì đến pháp khác, do các căn cảnh ấy đều sai khác, có khi thấy sắc sinh hỷ lạc là duyên sắc xúc sinh, là thực chẳng phải sắc. Lại Bất hoàn đến A-la-hán giải thoát tham thực, tuy thấy các thứ ăn uống thượng diệu mà không có lợi ích, do sắc xứ này không gọi là thực.

Lại tương truyền Kinh bộ có hai giải thích:

1. Trừ thanh bốn trần làm thể, do thanh hư xa, không có công dụng

trợ giúp.

2. Chỉ dùng ba trần làm thể, khi sắc thanh biến hoại không có công dụng trợ giúp.

Hỏi: Thanh và căn v.v... đều không gọi là thực, vì sao riêng lựa chọn sắc?

Đáp: Có thể đoạn ăn uống có giúp ích gọi đó là thực, sắc có thể đoạn ăn nuốt có lẫn lộn lựa chọn, thể của thanh hư xa, ý v.v... không đoạn, căn là giúp ích, không có nghĩa ăn uống, không lẫn lộn không lựa chọn.

**Luận:** Ba ý tứ thực hy vọng làm tướng.

Hỏi: Tư là tạo làm các tướng chánh nhân, tại sao nay nói là hy vọng?

Đáp: Như trong Nghĩa Đăng đã biện rõ. Có nghĩa có hai giải thích: Một là giải thích đồng với Nghĩa Đăng, hai là giải thích do pháp tương ứng, khiến suy nghĩ ở cảnh khởi hành trông mong.

Hỏi: Nếu vậy các tâm cùng các dục đồng thời, tâm lẽ ra cũng do pháp tương ứng hy vọng làm tướng?

Đáp: Các tâm nhân suy nghĩ hy vọng không có lỗi, như vậy các tâm cùng các thọ đồng thời, khởi các lãnh nạp đều không trái lý, các tâm đều dung chứa khởi nhiều hành. Nhưng tự tướng hành chánh hành chẳng phải khác, nên nương chánh hành các tâm không tạp.

**Biện rằng:** Lý sợ rằng chưa hẳn như vậy. Du-già và luận này đều nói các tâm sở duyên hành tướng đồng không đồng, nên luận này nói tâm cùng tâm sở đồng sở y căn, sở duyên tương tự, hành tướng đều khác, liễu biệt lãnh nạp v.v... tác dụng đều khác, cũng không thể nói căn cứ tự tướng mà nói, như tướng phần tướng sở duyên đều sai khác, tức nói tương tự, hành tướng có đồng, vì sao không nói? Giáo đã không có bằng chứng, chỉ đoán chừng mà vặn hỏi, có thể từ giải thích ban đầu.

**Sớ:** Quyển 57 nói khiến thức tăng thịnh.

Đủ như trong Nghĩa Đăng có dẫn, nên nay không nói lại.

**Sớ:** Lại luận nói thông Đăng lưu v.v...

Riêng có tứ thực chương môn rộng nói.

**Luận:** Bốn thứ thực này năng trì thân mạng hữu tình v.v...

Lại xét luận Bà-sa quyển 129 ghi: Thực là nghĩa gì? Nghĩa là thọ, tiếp tục, trì, dưỡng, tăng, cùng với đây đồng.

**Luận:** “Xúc ý tứ thực” đến “tùy thức có không”.

Có nghĩa chỉ nên nói nương sáu thức có không, Thức thứ bảy, thứ tám đã chẳng phải cùng có, nay đối tha tông trình bày nghĩa cùng thừa

nhận, cho nên không nên nói tùy theo Thức thứ bảy, thứ tám.

**Biện rằng:** Xem thế văn trước, nói tự tông không có ý đối tha, nương Thức thứ bảy, thứ tám biện rõ tùy tự nói, cũng có lỗi gì? Nếu nói văn trước đều đối với tha cho nên trừ Thức thứ bảy, thứ tám, biện thức thực thể cũng nên chỉ có sáu, tại sao lại nói Thức thứ tám làm thể? Do đây xác quyết văn trước là tự đối Thức thứ bảy, thứ tám mà nói, lý không có lỗi.

**Sớ:** “Tuy hiện tại” đến “được thành chánh nhân”.

Giải thích chiết phục vặn hỏi. Vặn hỏi rằng: Nếu chẳng phải hiện tại tức chẳng phải là thực, lẽ nào các hiện tại đều là thực? Hiện tại tức là thực lượng nhân, cho nên mới phát sinh đáp này, suy nghĩ có thể hiểu.

**Luận:** “Cũng không thể chấp” đến “Hữu lậu chủng”.

Chánh giải thích như trong sớ, lại giải thích thêm, ý họ chống chế nói: Tức Vô lậu thức trì Hữu lậu chủng, tức do sở trì lậu chủng làm thực, đây cũng có lỗi gì? Cho nên nêu lại phá rằng, Vô lậu đã không trì Hữu lậu chủng, Hữu lậu chủng không có thực cũng không lập. Nếu không như vậy, trước đã vặn hỏi Vô lậu ấy chẳng phải thực, cần gì phải ở đây vặn hỏi, vì nghĩa không khác. Nếu nói đứng về trì chủng ấy có sai khác để vặn hỏi ở sau, lẽ nào chỉ có mong trì chủng gọi là thực, nên biết họ lấy lậu chủng ấy làm thực. Giả sử bản tông ấy không lập nghĩa này, mượn nêu bày chấp ấy, lý chuyển chấp ấy đều không lỗi.

Hỏi: Vô lậu trái với lậu, không thừa nhận Vô lậu trì Hữu lậu chủng lậu trái với Vô lậu, lẽ ra nhân Thức thứ tám không trì Vô lậu?

Đáp: Hiện Vô lậu pháp chánh phá Hữu lậu, không được dùng Vô lậu trì lậu, Vô lậu pháp chủng đã chẳng phải năng trì, cho nên nhân vốn thức trì Vô lậu chủng.

**Luận:** Thân ngữ tâm hành v.v...

Hỏi: Định tâm, ngữ tịch, hai hành có thể không, tại sao không có thân hành ngừng dứt?

Đáp: Y luận Tỳ-bà-sa quyển 26 ghi: Có bốn duyên cho nên thân hành mới chuyển:

1. Hơi thở ra vào, thân sở y.
2. Phong đạo thông, nghĩa là miệng mũi v.v...
3. Lỗ chân lông mở.
4. Nương hơi thở địa thô tâm hiện tiền.

Trong bốn duyên nếu tùy theo thiếu một thân hành không chuyển, như sinh Dục giới Yết-thích-lam, Át-bộ-đàm, Tài thi, Kiện-nam, trong

bốn vị chỉ có vị thứ tư tâm thô hiện tiền, không có ba việc trước cho nên hơi thở không chuyển. Bát-la-xa-khư v.v... các vị căn hình đầy đủ, đủ bốn việc nên mới có hơi thở chuyển, như sinh ở Dục giới và ba định sau nhận vô tâm định và Vô sắc định, tuy có ba pháp trước không có thứ tư cho nên hơi thở không chuyển, vào định thứ tư tuy có hai pháp trước, nhưng không có hai pháp sau, hơi thở cũng không chuyển. Lại hơi thở ra vào nương tâm thô chuyển, tịnh lực thứ tư trở lên, các địa tâm rất vi tế nên hơi thở không chuyển.

Lại Thuận Chánh Lý ghi: Nhập định thứ tư, thân không có lỗ chân lông, do pháp ấy trì rất thuần hậu, dẫn định thứ tư đại chủng biến khắp thân, tức do duyên này Tôn giả Thế Hữu nói, vào định ấy thân lỗ chân lông hợp lại, nhập lậu Vô lậu định đều như vậy. Nếu sinh định thứ tư khởi ba định sau và tâm Dục giới, tuy có thứ nhất, thứ hai và duyên thứ tư, thiếu duyên thứ ba nên hơi thở không chuyển, khởi tự địa tâm và tâm Vô sắc đều định vô tâm, tuy có hai pháp đầu không có hai việc sau nên hơi thở không chuyển. Nếu sinh Vô sắc bốn việc đều không nên hơi thở không chuyển. Sở dĩ diệt định thân hành cũng không, chuẩn theo nghĩa Đại thừa thân hành không chuyển, lại đồng với Hữu tông, cũng nên không có lỗi.

**Sớ:** Nhưng muốn xuất, kinh đồng pháp làm ví dụ v.v...

Thọ mạng không diệt, cũng không lìa noãn, đây là đồng pháp, nêu đây làm dụ mà ví dụ thể thức tại định khiến có, tâm hành v.v... vẫn đồng như vậy.

**Sớ:** “Luận Thành Nghiệp” đến “như luận kia”.

Ở sau trong diệt định, sở đã dẫn xong ở đây không lập lại.

**Sớ:** Lẽ ra là sinh trở lại.

Chết không sinh trở lại.

Luận: Các định đều không có năm thức thân.

Hỏi: Nhân này lẽ nào chẳng phải tự tùy theo một lỗi, ở sau thừa nhận trong định tai nghe tiếng?

Đáp: Nay tùy theo tha tông, ở sau nương tự nghĩa, do Tiểu thừa xuất định nghe tiếng. Lại trong sở làm lượng.

Có nghĩa phá rằng, sở nói nhân này nương muộn tuyệt v.v... có bất định, nghĩa này không<sup>2</sup> ng, lập tông nếu nói lẽ ra tất cả định đều gọi là định vô tâm, muộn tuyệt v.v... vị chẳng phải vô tâm định, có thể nói nhân trước có lỗi bất định, trong tông pháp đã không có chữ “định” nên không có bất định.

**Biện rằng:** Xem thẳng lời trình bày tự như bài xích. Nếu tìm ý

thừa nhận thì ý chỉ sơ rất xa, nghĩa là định vô tâm chẳng phải định vô tâm, mà lại sai biệt, nhân không nói định, tức muộn tuyệt v.v... nhân ở đó chuyển, cùng ý thừa nhận tông liền thành bất định, nhân khiến cho nói định, lỗi này mới bỏ, nên nghĩa như vậy.

**Sớ:** “Nay nên vặn hỏi thêm” đến “gọi là tâm hành diệt”.

Ý vặn hỏi này nói định là vô tâm và tâm hành diệt, vô tâm tức căn cứ cả năm mà gọi là vô tâm, tâm hành diệt lẽ ra cũng chỉ đứng về năm thức tương ứng thọ tướng v.v... mà nói. Lại nói, “nhưng có tâm sở” đến “nói diệt” là lập lại ý vặn hỏi, do hai nhà ấy tâm hành diệt đều nói căn cứ Thức thứ sáu không nương năm thức, nên biết diệt thức không đứng về năm mà nói.

**Luận:** “Hoặc vị này” đến “chẳng phải Thức thứ sáu”.

Có nghĩa sơ đã làm lượng có lỗi tự nói, nên chỉ nói diệt định vị thức chẳng phải Thức thứ sáu.

**Biện rằng:** Sơ đã nói là ông, rõ ràng lựa chọn lỗi này, nếu không như vậy nói “ông” để làm gì? Lượng thứ tư ở sau tuy cũng phá, cũng đồng với giải thích này.

Hỏi: Tha cũng lấy thọ noãn này làm dụ, vặn hỏi tông Đại thừa diệt định Thức thứ tám lẽ ra chẳng phải là thức, tự đã có trái sao trách lỗi tha?

Đáp: Ngã thọ noãn thức chẳng tức chẳng lia, lẽ ra chẳng phải tông thức đối với các dụ như thọ nhưng không chuyển, không thể ví dụ nhau.

**Sớ:** Họ cũng tự nói tự vị không có hành tướng thức v.v...

Tuy có thể của thức nhưng không có hành tướng, do vì vi tế tiếp nối lâu dài, nếu không như vậy thì họ thừa nhận trong định nhưng có hữu thức, làm sao được nói tự vị không có thức.

**Sớ:** Đối với tịnh lự Vô sắc tu hành thù thắng.

Tu tập các định này, các pháp thọ tướng có công dụng thù thắng.

**Luận:** “Nếu không có tâm sở” đến “liạ tâm sở”.

Có thuyết lấy Vô dư Niết-bàn làm dụ, tông ấy diệt định đã thừa nhận có tâm, còn vô tâm vị khác lẽ ra cũng như vậy, cho nên Thành Nghiệp ghi: Các vô tâm vị cũng có tâm ư? Lẽ ra như một loại kinh làm lượng đã thừa nhận tâm vi tế, vị ấy vẫn có, cho nên không lẽ dùng muộn tuyệt làm dụ. Có nghĩa nếu vậy nhân thành bất định, muộn tuyệt v.v... vị tâm sở không có, nên lẽ ra hợp thành, diệt tận v.v... vị lẽ ra không có ý thức, không có đại địa tâm sở như nhân v.v... thức không có trong hành vị. Hoặc Vô dư y cũng được làm dụ, hoặc tử thi v.v... làm dụ cũng

được.

**Biện rằng:** Trước nhiều lần phá không có ý thức vi tế, đã lấy muộn tuyệt các dụ cũng đâu có lỗi gì. Lại phá dụ Vô dư có lý bất định như đã nói, nếu dùng nhãn v.v... thức không có hành vị mà làm dụ, lý cũng bất định, riêng ý thức chuyển cũng là nhãn v.v... không có hành vị, nay lấy tử thi để dụ thành các vô tâm vị thứ sáu không có, tuy vô tâm khác chẳng phải là tranh biện, vì ngăn bất định làm tông cũng không có lỗi.

**Sớ:** Như Vô biểu sắc chẳng phải có chất ngại.

Ý chống chế này cho rằng, chất ngại gọi là sắc vô biểu, vô ngại vẫn gọi là sắc, tâm pháp tuy tương ứng, giả sử không tương ứng cũng là tâm pháp, nếu không tương ứng tức chẳng phải tâm, lẽ ra không có chất ngại tức chẳng phải sắc.

**Sớ:** Nhưng trừ miên muộn tuyệt.

Do Tát-bà-đa không thừa nhận miên v.v... thuộc vô tâm vị, đối với người cùng thừa nhận cho nên trừ.

**Sớ:** “Do không có sở nhàm” đến “cho nên tâm vương vẫn còn”.

Các giải thích văn này rõ ràng trừ lý do miên muộn tuyệt, nay giải thích nếu không đúng, chỉ biện vô tướng v.v... vô tâm. Nói do không có sở nhàm, nêu nó do không có sở nhàm, tâm sở hiển tâm cũng không có. Nói có sở nhàm tâm sở tâm liền không diệt, lại thành ở trước không có sở nhàm, tâm sở diệt. Nói chẳng phải không nhàm cho nên tâm vương vẫn còn là giải thích người ngoài chiết phục vặn hỏi, người ngoài vặn hỏi rằng: Tâm sở là sở nhàm, vị ấy có thể gọi là không có, tâm vương đã chẳng phải nhàm, chỗ ấy lẽ ra vẫn còn, nên mới giải thích rằng: Chẳng phải là không nhàm tức khiến nơi ấy còn, do tâm sở không có nên tùy theo đồng diệt.

**Luận:** Vì tâm tạp nhiễm v.v...

Tuy trong kinh Duy-ma cũng có văn này, nay dẫn A-hàm, do kinh Duy-ma chẳng phải họ cùng thừa nhận.

**Sớ:** Tâm nhiễm nên hữu tình nhiễm, như trong Du-già quyển 54.

Xét luận ấy ghi: Do thức nhuận này năng cầu năng mãn trong thân đương lai, do đây triển chuyển năng thủ năng mãn, không thể xả bỏ các dị sinh tánh, do ở nội thân năng cầu mãn, ở trong lưu chuyển tương tục quyết định.

Lại nói, hơn nữa do thức ấy hằng thanh tịnh nên không đợi nhân khác, mặc tình tự nhiên vào nơi tịch diệt, thức này tương tục cứu cánh đoạn, ở trong mười phương cõi lại không lưu chuyển, đối với mạng và

tử không mong cầu nên gọi là hằng lìa dục.

Giải thích rằng: Trước do tâm nhiễm hữu tình tạp nhiễm, sau do tâm tịnh hữu tình giải thoát.

**Luận:** Nghĩa là nhiễm tịnh do tâm là chính v.v...

Sớ có bốn giải thích, năm giải thích khác đủ như đã biện rõ. Có nghĩa, lại giải thích, nói pháp tạp nhiễm do tâm là chính, Hữu lậu Vô lậu, Hữu vi Vô vi, nhưng lẽ ra nói tâm có nhiễm tịnh hai pháp, Hữu lậu nhiễm tâm thông lậu Vô lậu, Hữu vi, Vô vi tổng hợp là chính, Vô lậu tịnh tâm nhưng cùng Vô lậu Hữu vi Vô vi làm căn bản, chẳng phải gốc Hữu lậu, nhân tâm mà sinh, hợp giải thích Hữu lậu Vô lậu nhân hiện hành nhiễm tâm sinh, do tâm là chính, riêng giải thích Vô lậu hiện hành các nhân pháp tịnh tâm sinh tâm cũng là chính, tịnh tâm không sinh pháp Hữu lậu, y tâm trụ, là hợp giải thích Hữu lậu Vô lậu vốn có chủng tử y nhiễm tâm trụ, cho nên tâm là chính. Riêng giải thích Vô lậu vốn có chủng tử y tịnh tâm trụ cho nên tâm là chính, tâm thọ huân trì ấy vì chủng kia, hợp giải thích Hữu lậu Vô lậu tâm huân chủng tử nhiễm tâm là chính, riêng giải thích Vô lậu tâm huân chủng tử tịnh tâm là chính, tịnh Thức thứ tám tâm tuy không theo huân, nhân vị từng huân quả trì chủng. Trước sau hai sớ tuy có nhiều giải thích, nghĩa đều không đủ, cho nên mới có giải thích này, đều không có tịnh tâm là chính v.v...

**Biện rằng:** Xem văn kinh nói tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, nhưng đứng về hữu tình không y Phật nói. Nếu bao gồm cả Phật, tức không nên nói hữu tình v.v... nhưng Như Lai chẳng phải hữu tình, cho nên trước nói chỉ có y tha uẩn kiến lập hữu tình, Phật không có Hữu lậu chẳng phải thuộc hữu tình. Luận đã giải thích kinh, nên đồng với ý kinh, nếu nói thị hiện gọi là hữu tình, cũng không được. Chuẩn theo luận giải thích kinh nhiễm tịnh hai môn phá tha trình bày tự, thấy đều không nói Phật quả tịnh thức, nên biết hai sớ khéo ngộ áo chỉ. Lại lập bao gồm căn cứ tịnh tâm giải thích, cũng thành thấy nhiều, vì sao? Nói tâm là chính, tức là câu chung nhiễm tịnh Hữu vi Vô vi, sau lại đối với nhân tâm ấy mà sinh. Lại nói, do tâm là chính, riêng giải thích Vô lậu hiện hành các pháp nhân tịnh tâm sinh cũng lấy tâm là chính, trước đã nói là chung, sau tại sao nói là riêng? Nếu nói căn cứ riêng tịnh tâm ấy mà nói, nếu vậy biệt nhiễm sao không phải biệt nhiễm ấy là chính ư? Nếu thừa nhận như vậy, tại sao không phải riêng giải thích nhiễm hiện? Lại nếu giải thích riêng nhiễm hiện là chấp nhận có lý này, nhưng trong một giải thích đâu thể chấp nhận có mâu thuẫn? Còn lại chuẩn theo đây.



**Luận:** “Nếu không có thức này” đến “đều phải không có nhân”.

Bản luận của Vô Trước đủ như trong số có dẫn. Luận Vô Tánh giải thích, từ vô tướng v.v... từ cõi trên không sinh lại Dục giới, lúc bấy giờ phiền não v.v... nghĩa là tham sân v.v... sở nhiễm sơ thức, nghĩa là khi tương tục sinh sinh có sơ thức, lúc bấy giờ tất cả phiền não tự địa đã nhiễm ô.

Hỏi: Vì sao nêu vô tướng ấy mất? Lẽ nào chỗ khác không có thức trì chủng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Như trong Nghĩa Đăng có biện rõ.

2. Xét trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ và Câu-xá luận thì Bắc Uất-đan-việt quyết định có nghiệp hậu báo sinh thiên, chư thiên Vô tướng quyết định có nghiệp Dục giới hậu báo, các địa bất định, cho nên riêng nói về nó.

**Luận:** Sau khi không có nhiễm tâm v.v...

Bản luận của Vô Trước như trong số đã nói. Vô Tánh giải thích, nay cũng lược nêu, đối trị phiền não v.v... nghĩa là như tối sơ quả và hướng Dự lưu, kiến đoạn phiền não đối trị đạo sinh, tất cả thế gian các thức đã diệt, lúc bấy giờ nếu lia A-lại-da thức, tu đoạn phiền não tất cả tùy miên nương chỗ nào mà trụ? Chẳng phải đối trị thức mang theo chủng tử ấy lẽ ra đúng đạo lý, do đây đối trị thức tự tánh giải thoát, tức là nghĩa tự tánh cực thanh tịnh cùng phiền não không chung cùng, năng trị sở trị trái nhau, cũng như sáng tối. Lại vào lúc sau v.v... nghĩa là sau khi kiến đạo trong vị tu đạo. Các văn khác có thể hiểu.

**Luận:** Nếu không có thức này trì nghiệp quả chủng v.v...

Nhiếp luận của Vô Trước trong số có dẫn ra sơ lược, Vô Tánh giải thích sơ do không nói, khiến hàng sơ học lẫn lộn khó tiến, nay bản và thích lấy cốt yếu để dẫn, mong người học không ngăn trệ lậu lược.

Luận của Vô Trước ghi: nếu có điều này chẳng phải đồng dẫn địa khi chết rồi sinh, nương vị Trung hữu ý khởi ý thức nhiễm ô kết sinh tương tục, trong ý thức nhiễm ô này đối với Trung hữu có diệt, ở trong thai mẹ thức Yết-la-lam lại cùng hòa hợp, nếu ngay ý thức cùng hòa hợp ấy, đã hòa hợp rồi y chỉ thức này ở trong thai mẹ có ý thức chuyển, nếu vậy liền phải có hai ý thức ở trong thai mẹ đồng thời mà chuyển. Vô Tánh giải thích, chẳng phải đồng dẫn địa gọi đó là Dục giới, “một” tức là chết, nương vị Trung hữu nghĩa là y nơi khoảng giữa của chết và sinh ra. Khởi nhiễm ô là thương giận đều có điên đảo.

Giải thích rằng: Nam nữ cùng đối với chỗ cha mẹ khởi tham giận.

Nói ý thức, các thức lúc bấy giờ mất đã lâu.

Giải thích rằng: Trong các nhãn thức v.v... mạt vị Trung hữu diệt lâu rồi, chỉ còn ý thức, Trung hữu đầu và giữa sáu thức đều có, nối tiếp trì sinh nên gọi là tương tục, nhiếp thọ sinh nên gọi là kết sinh, ý thức nhiệm ô này, vì duyên sinh hữu.

Giải thích rằng: Cha mẹ bất tịnh là chỗ thức giá, gọi là sinh, duyên bất tịnh này gọi là đã có mà sinh tham ái, hoặc duyên đương sinh có quả khởi ái nên được nhuận sinh

Đối với Trung hữu có diệt, đây nếu không diệt thì không có sinh hữu, ở trong thai mẹ v.v... nghĩa là diệt này khi ở trong thai mẹ có dị thực thức cùng màu trắng đỏ ấy đồng một an nguy, khiến cùng hòa hợp tạp thành Yết-la-lam.

Giải thích rằng: Thức cùng đỏ trắng tăng giảm cùng chung hòa trộn thành thân. Nếu ngay ý thức, nghĩa là nó nếu chẳng phải A-lại-da thức; đã hòa hợp rồi, là thọ sinh rồi, y chỉ thức này là y dị thực thức.

Giải thích rằng: Ý thức vi tế, có ý thức chuyển, là có biệt chuyển thức, nghĩa là cùng tín, tham v.v... tương ứng, lạc khổ đồng thời, phân biệt ý thức hậu hậu vị chuyển.

Giải thích rằng: Ba tánh ba thọ đều dễ hiểu, từ khi mới thọ sinh nhãn đến già, ý phân biệt này lần lượt mà khởi, nên nói hậu hậu vị chuyển. Có hai ý thức chuyển v.v... nghĩa là dị thực thể hữu tình bản sự, không đợi đến nay Gia hạnh mà chuyển Vô ký ý thức, và có thể liễu tri sở duyên hành tướng lạc khổ thọ v.v... tương ứng với ý thức. Hai ý thức này, giải thích rằng: Dị thực thức tức là tế ý thức, có thể thức liễu tri, tức ý thức thô. Lẽ ra trong một thân đồng thời mà chuyển nhưng không nên thừa nhận, vì trái với kinh, cho nên bài tụng nói: “Không chỗ không chứa, không trước không sau, đồng thân đồng loại, hai thức đều sinh”. Giải thích người ngoài chống chế rằng: Cả hai nào có lỗi, cho nên dẫn kinh để vặn hỏi, ý kinh nói, không thọ thân xứ, không chứa đạo lý, chẳng thuộc trước sau, đồng trong một thân, đồng giống hai thức, đồng thời đều sinh. Lại không nên thừa nhận hai thức này là một, vì tự tánh sai khác.

Giải thích rằng: Người ngoài lại chống chế rằng, hai thức này thể đồng mà nghĩa phân biệt, thể ấy là một cũng không trái kinh, vì không đồng loại, nên nay phá rằng: Tự tánh sai biệt nên như nhãn v.v... năm thức. Lại dị thực thức không nên gián đoạn, kết tương tục rồi sau ở xứ khác lại kết sinh.

Giải thích rằng: Người ngoài lại chống chế, hòa hợp ý thức biệt

sinh ý thức trước sau khởi gián đoạn, cũng không trái kinh không có đồng loại, nên lại phá rằng, hòa hợp thể thức thừa nhận là dị thực, nếu sinh gián đoạn là thể liền gián đoạn. Nếu vậy sau tương tục nên gọi là sinh lại, nên lượng phá rằng: Hòa hợp ý thức không nên sinh gián đoạn, thừa nhận là dị thực, cũng như báo sắc. Lại thể dị thực chỉ có hằng tương tục lại không có nẻo khác. Giải thích rằng: Người ngoài lại chống chế, ngại gì báo sắc không đoạn, tâm dị thực đoạn. Lại này phá rằng: Nhân đồng với trước, mạng căn làm dụ, theo vận hỏi mà giải thích sơ lược, còn lại dễ hiểu nên không bàn.

**Sớ:** “Lại nếu từ đây mất” đến “nhất định không thể được”.

Đây là văn của Vô Trước. Vô Tánh giải thích rằng: Như vậy đã biện đối với Dục giới, nếu là A-lại-da thức kết sinh tương tục không thành, đối với sắc Vô sắc cũng không được thành. Nay hiển bày, nếu từ đây mất v.v... là khi Dục giới chết sinh lên, do chẳng phải Đẳng dẫn nghĩa là cùng với địa ấy tham mùi vị của định, phiền não tương ứng.

Giải thích rằng: Ở hai cõi trên duyên định khởi ái mới được nhuận sinh. Là dị thực thức thể định của các chủng tử không được, là chẳng phải Dục giới ràng buộc tâm chết đó có tự thể chủng tử kia, vì sinh diệt không đồng thời.

Giải thích rằng: Người ngoài chống chế, trong dục trói buộc tâm chết kia có chủng tử định địa nhiễm tâm, nên có phá này, vì định tán hai tâm chẳng phải câu sinh, vì không thành huân tập, trong tâm cõi dưới không có chủng nhiễm cõi trên. Lại nói, chẳng phải định địa sinh tâm làm thể chủng tử kia, tức ở một tâm chủng có chủng tánh không tương ứng.

Giải thích rằng: Người ngoài lại chống chế rằng, ngay định sinh tâm làm thể của chủng ấy, nên này phá rằng: Chủng là nhân, hữu chủng là quả, quả này bao hàm chủng nên gọi là hữu chủng, ở trong sát-na nhân quả đều có, lý không tương ứng, tuy tông Đại thừa nhân quả đều có, căn cứ tông kia vận hỏi cũng không trái nhau.

Lại nói, chẳng phải trong các đời khác, trước được các sắc ràng buộc tâm làm thể của chủng tử, trì huân tập ấy, còn các thức khác thì không có.

Giải thích rằng: Người ngoài lại chống chế, trong đời quá khứ được sắc giới tâm làm chủng tử ấy, đây có lỗi gì, nên lập lại mà phủ nhận, ông không có thức năng trì chủng kái, làm sao có thể chủng tử sở trì.

Lại nói, chẳng phải sắc tương tục làm thể chủng tử vì không có

nhân duyên.

Giải thích: Người ngoài lại chống chế rằng, quá khứ huân tập y trong sắc căn làm chủng hiện nay, lại nêu bày và bài xích, nói không có nhân duyên có ba giải thích:

1. Căn cõi dưới chẳng phải nhân tâm cõi trên.
2. Trong sắc cõi dưới không có địa chủng cõi trên.
3. Trì chủng là thể ắt là sở huân, sắc căn không có nhân duyên sở huân ấy, cho nên không có chủng ấy. Nói nhân duyên là tức đạo lý.

**Luận:** “Sau pháp dị loại” đến “lẽ ra cũng không có nhân”.

Luận của Vô Trước vẫn đủ như trong sơ có dẫn. Luận Vô Tánh giải: Tức Vô sắc giới Vô lậu tâm sinh thể gian tâm diệt, nẻo kia sở nhiếp dị thực không có, không do công dụng tự nhiên nên được Vô Dư Niết-bàn, năng trị hiện tiền tất cả sở trị đều hằng đoạn.

Lại giải thích diệt hai thú v.v...

Sinh hữu thứ nhất khi muốn đoạn các phiền não địa kia, tưởng yếu kém nên tự địa vô đạo. Vô sở hữu xứ địa minh lợi nên khởi trước vô tâm tâm hiện tại ấy, lúc bấy giờ hai thú đều nên diệt lìa, nghĩa là thứ nhất có vô sở hữu xứ hai thú diệt lìa, lúc bấy giờ hữu tình lẽ ra thành tử diệt hai thú sở y đều không có, chẳng phải pháp Vô lậu thú này nhiếp, vì không trói buộc, vì đối trị thú.

Hỏi: Chuẩn theo Nhiếp luận vặn hỏi lỗi diệt hai thú, luận này bèn trách sau khởi không có nhân. Hai luận đã khác, đâu được dẫn dụ mà chứng ở đây?

Đáp: Nêu văn bỏ ý chỉ tự hồ nước sông Kinh, sông Vị, lấy lý tăng trưởng thành thật đồng nước và sữa, bản ý luận ấy trách không có bản thức thiện nhiễm vô chủng, vô chủng tức là tên khác của vô nhân, đây nương lại vặn hỏi diệt lìa hai thú, cho nên Bản luận nói: Lại nữa sinh Vô sắc giới nếu lìa tất cả chủng tử dị thực thức nhiễm ô thiện tâm lẽ ra không có chủng tử nhiễm ô, thiện tâm lẽ ra không y trì. Kế ở sau mới vặn hỏi lẽ ra diệt hai thú, nên biết hai luận thật mới đồng, lấy làm chứng không có lỗi.

**Sớ:** Hơn nữa trong nghiệp.

Luận trước nay cùng phá quả nghiệp, ở sau chỉ bài xích nghiệp mà bỏ quả, cho nên nói hơn nữa sinh khởi văn sau.

**Luận:** Lại hành duyên thức lẽ ra không được thành v.v...

Vô Tánh Nhiếp luận như trong Nghĩa Đăng có biện đủ. Thế Thân giải thích: Nghiệp là duyên thức bất tương ưng, nghĩa là phước phi phước và bất động hành sinh rồi thì diệt, nếu không tin có A-lại-da thức thì ở

chỗ nào an lập huân tập? Như sáu thức thân không thể nhậm trì tất cả huân tập.

Giải thích rằng: Rõ ràng A-lại-da không có, không trì chủng thức, tức hành huân thức gọi là duyên không thành.

Hỏi: Kinh bộ thức chi khắc thể nên lấy cái nào?

Đáp: Nương cả hai, Nhiếp luận tương truyền có ba giải thích:

1. Ba nghiệp sở huân năng trì chủng tử thức dùng làm thức chi.
2. Sở trì nghiệp chủng dùng làm thức chi.
3. Năng trì chủng thức và sở trì chủng đều làm thức chi.

Hoặc nói kết sinh nhiễm thức cũng được. Có nghĩa xác quyết rằng, tuy có ba giải thích, chỉ có lấy chủng tử làm thức chi là chính, nhưng đồng với Đại thừa lấy danh ngôn chủng làm thức chi là chính, nên trong Câu-xá luận nói Đồng loại nhân sở hành cùng Đăng lưu quả công năng đem làm thức chi thì tương đương.

**Biện rằng:** Nếu chỉ có chủng tức là giải thích thứ hai, luận này đoạn sau nói: Nghiệp chủng làm thức chẳng phải khắc thật thể, làm sao xác quyết rằng đồng Đại thừa là chính? Nếu nói lấy giải thích thứ ba ấy, thứ ba đã lấy năng sở hai trì, làm sao xác quyết nói chỉ có chủng tánh ư? Tiến thoái đều trái, sợ rằng chép lầm. Lại y trong Câu-xá tự có nghĩa chủng, nếu y Nhiếp luận chủng tướng vắn hỏi rõ, cho nên luận Vô Tánh ghi: Nghĩa là hành làm duyên tham v.v... câu sinh nhãn v.v... các thức thừa nhận làm thức chi.

Lại nói: Thừa nhận tương tục sinh thức làm thức chi. Đây cũng không đúng. Xét hai đoạn văn này là lập lại kể chấp của tông kia. Thức chi chỉ là hiện, Thế Thân cũng là hiện, văn như trước đã dẫn. Nay lẽ ra nên nói, căn cứ Đại thừa Tiểu thừa hợp làm ba giải thích, y Vô Tánh luận hai văn không đồng tức là hai giải thích đều y theo hiện mà nói, chuẩn theo văn Câu-xá lại làm một giải thích, nhưng y theo chủng thuyết, văn như trên có dẫn, hoặc làm bốn giải thích cách thứ tư lấy chủng hiện làm thức chi, như văn luận của Thế Thân nói tổng quát, cho nên nghĩa có thể thông, văn như trước đã nói, quán xét có thể hiểu rõ.

**Luận:** Thời phân cách xa v.v...

Luận chủ lại vắn hỏi họ rằng, Dục giới sắc giới có sắc, hành cảm có thể gọi là duyên, Vô sắc giới sắc không có, tại sao cảm sắc.

**Sớ:** “Sắc quả ở vị lai” đến “tám muôn kiếp v.v...”.

Hỏi: Giả sử quả vị lai làm sao được nhân quả khứ nhiều kiếp ư?

Đáp: Nếu sinh báo nghiệp quả chưa chắc xa. Nếu hậu báo nghiệp quả xa sao cảm? Như thọ Phi tướng tám muôn kiếp về sau mới thọ báo

cõi người, báo mong nhân xưa cách tám muôn kiếp lẽ nào không xa ư?

Hỏi: Nghiệp sinh báo như hủy báng bai diệt v.v... quả đã không xa lẽ nào gọi là hành duyên?

Đáp: Lược có hai giải thích.

1. Hễ nói cách xa cho nên không được làm duyên, chẳng phải thừa nhận gần liền thành nghĩa duyên, vì gần tha luận.

2. Giả sử sinh báo nghiệp nhân quả khác đời, đạo lý hơi xa cũng gọi là cách xa, dù không có xa có cách chẳng phải duyên.

Giải thích thứ hai hay hơn.

Hỏi: Nếu vậy tự tông như thế nào?

Đáp: Có thức sở cảm, đây cũng đâu có lỗi gì!

**Sớ:** Như ngoại pháp v.v... chẳng phải nhân dị thực.

Nêu dụ để giải thích thành, hành chi của ông đã do cách xa, cho nên không thể cảm quả, lẽ ra đồng ngoại pháp không được gọi là nhân dị thực.

**Luận:** Đây không thành nên ở sau cũng không thành.

Xét trong Vô Tánh nói, thủ làm duyên hữu cũng không tương ứng, nghĩa là vị huân tập các nghiệp chủng tử, dị thực hiện tiền chuyển gọi là hữu, hoặc lại chuyển được công năng sinh quả nên gọi là hữu, thức do hành sở huân nếu không thành tựu thì dựa vào đâu an lập nghiệp chủng tử ấy? Nhưng lại nói sinh quả hiện tiền chuyển gọi là hữu, giải thích dị thực quả sắp hiện tiền nên gọi là hiện tiền, hoặc nhân hiện tiền có công năng cảm quả, thế lực thành thực nhưng khác với vị trước gọi là dị thực.

Hỏi: Thứ lớp mong nhau duyên cũng không thành làm sao ý vượt qua nói thủ duyên ở hữu?

Đáp: Ý Nhiếp luận nói nghĩa nghiệp nhiễm, có hữu nghiệp chủng, chi khác thì không như vậy, nên không nói. Hoặc nêu trước sau để chỉ bày phương góc. Giải thích trước là chính.

**Sớ:** Không chỉ nói sở duyên mà không có y v.v...

Chẳng phải do văn tụng chỉ nói Thức thứ tám có cảnh sở duyên, không nói sở y, tức nói Thức thứ tám không có pháp sở y, lý thật ra là có, không nói là vì như trong sớ có nói đủ.

**Sớ:** Tên ý không có nghĩa.

Sớ chủ lấy luận nói văn ý ý dùng làm câu, chẳng phải luận kia có nói hoàn toàn, cho nên luận ấy rộng nói ý kia mà lập lý rằng: Nghĩa là nếu không nói có ý nhiễm ô ở tất cả thời nghĩa không tương thuận. Sớ nói không có tức lập lại luận ấy không nói có ý, nghĩa tức lập nghĩa kia

không tương thuận, tâm thể thứ ba, như trước dẫn đủ.

**Sớ:** “Lại nếu không có Thức thứ bảy” đến “y hiện hành chủng tử Thức thứ tám”.

Đây căn cứ Hộ Pháp năm thức ất nương Thức thứ bảy. Do ở sau nói đủ, đây không nói rõ.

**Sớ:** “Y Du-già” đến “nói vô lượng tên v.v...”.

Xét luận ấy ghi: **Hỏi:** Các tâm tâm pháp phạm có mấy loại tên sai biệt?

**Đáp:** Có nhiều loại tên, nghĩa là có sở duyên, tương ứng, hữu hành, hữu sở y v.v... vô lượng sai biệt.

**Hỏi:** Vì sao nhãn v.v... cũng có cảnh giới, nhưng chỉ nói tên hữu sở duyên ấy, chẳng phải nhãn v.v... là sao?

**Đáp:** Do nhãn v.v... lìa cảnh sở thủ cũng được sinh khởi, tâm cùng tâm pháp thì không như vậy.

**Hỏi:** Vì sao gọi là tương ứng?

**Đáp:** Do sự, xứ, thời, sở tác v.v...

**Hỏi:** Sao gọi là hữu hành?

**Đáp:** Đối với tất cả sở duyên làm vô lượng chủng sai biệt, hành tương chuyển.

**Giải thích:** Đồng duyên một chất, tương tuy tương tự, kiến hành đều khác, gọi là sai biệt chuyển.

**Hỏi:** Vì sao gọi là hữu sở y.

**Đáp:** Do một chủng loại nương gá các sở y sai biệt chuyển, tuy pháp Hữu vi không có vô y, nhưng chẳng phải trong này đã nói nghĩa y, chỉ có hằng sở y làm lượng này.

**Giải thích:** Có hai thuyết:

1. Như một nhãn thức nương gá ba căn sinh, nghĩa là thứ nhất là nhãn, kế đến là diệt ý và cuối cùng là mặt-na. Tuy sau Hữu vi giải thích chiết phục vạn hỏi, ý vạn hỏi nên biết, nay đứng về căn y sắc chẳng phải y căn, cho nên không được gọi là có sở y.

2. Tương ứng tâm vương, tâm sở gọi là một chủng loại, như nhãn tâm vương tâm sở đồng nương gá nhãn căn.

**Biện rằng:** Cả hai không đủ, nhà trước thiếu giải thích chủng loại, rõ ràng các sở y lý cũng không tận; nhà sau giải thích không biện các nghĩa sở y, nay nên nói, như nhãn v.v... thức đều có y căn, bao gồm có bốn loại, đó là đồng cảnh, phân biệt, nhiễm tịnh, căn bản, như trong luận này Hộ Pháp đã nói, do y chẳng phải một, gọi là các sở y. Ý luận chỉ y câu hữu căn mà nói, không được lấy vô gián diệt y hiển tâm vương

tâm sở, lựa chọn sắc kia v.v... gọi là một chủng loại.

Hỏi: Thức thứ bảy, thứ tám hai thức tại sao y lại nói là các?

Đáp: Từ nhiều mà nói, hoặc tâm sở y kia cũng gọi là các, các chẳng phải một nghĩa, bao gồm tự tâm vương y thành hai, tâm vương tâm sở đồng loại, cho nên tổng hợp nói nương gá các sở y.

**Sớ:** Nhưng sở y kia bao gồm có ba loại v.v...

Du-già kia quyển 1 và Duy Thức luận do sở dẫn gián đoạn, quyển 55 sau mới nói, thoát xem tự văn quyển 55 kia.

Hỏi: Tâm tâm sở khởi ba y hằng định, đâu được nói trong ba hợp nói bất hằng bất định.

Đáp: Lược có hai giải thích:

1. Y ở sau các Sư giải thích Câu hữu y, trừ Hộ Pháp có thông hằng định, bất hằng định gọi là sở y, chẳng phải căn cứ nhân duyên và Đăng vô gián có bất hằng.

2. Y chánh nghĩa sau đủ bốn nghĩa mới gọi là sở y, Đăng vô gián duyên thiếu quyết định v.v... không thời nào mà không y gọi là thành bất định. Tuy do sinh đời đã không đồng, không được gọi là không thời nào mà không y.

Lại nói hằng nghĩa là đồng thời chuyển, đã là quá khứ thì nghĩa của hằng liền không có, y nhân duyên ấy có bất hằng định, như hiện huân chủng là chủng nhân duyên, rồi sau hiện không mà có nhưng chủng chẳng dứt, cho nên chẳng phải hằng định, cũng chẳng phải sở y. Sở bàn chung bất hằng bất định, cũng không có lỗi. Hai nghĩa đều được, giải thích sau thuận với sở. Có nghĩa bài xích sở hằng không đồng. Quyển 55 và Duy thức nói: Cho nên chỉ nói y có hai chủng, đó là chủng và hiện. Du-già lại y hiện hành mà nói, hiện y có hai là Câu hữu và vô gián, luận ấy đứng về Câu hữu y nói, chỉ do nói lược không có sở do khác, luận này nói đủ nêu chung ba loại.

**Biện rằng:** Sở đã nói hằng bất hằng v.v...như trước có hai giải thích, lỗi cũng không có, xác quyết rằng y hai, sở rằng không đồng, luận này luận kia đều nói sở y không nói y. Nếu nói y thì tất cả đều thừa nhận chủng và hiện đều như vậy, cần gì phải khế hội! Nếu nói y cùng sở y không khác, lẽ nào không trái với Hộ Pháp nói ở sau? Do đây nên biết Du-già quyển 55 chính nói sở y, luận này nói cả giả thật, không thể lấy rộng lược ấy mà khế hội.

**Sớ:** Hiện hành mong chủng tử lẽ ra không có y này.

Hiện hành huân chủng, tuy là thể chủng y, thể đã là hiện, nên không được gọi là chủng tử. Nếu nói nhân duyên, lý liền có thể nhiếp.



Có bản sơ nói: Chủng mong chủng tử, chữ “chủng” là nhằm, do đâu mà biết? Đáp: Chủng sau nương giá chủng trước mà khởi, đâu được nói không có, nên biết là nhằm.

Có nghĩa riêng nói: Không chỉ luận này nói tâm tâm sở gọi là có sở y, luận Du-già kia cũng nói nhãn v.v... thức có ba loại sở y, luận kia luận này đều nói các tâm gọi là có sở y, không nói chủng tử hay có hữu sở y, gọi là chủng tử y, cũng đâu cso lỗi gì! Ở đây không muốn giải thích nhân duyên, nên ở sau văn rộng nói chủng y, như tăng thượng duyên y chẳng phải nhiếp tất cả tăng thượng duyên, đây lẽ ra cũng như vậy, không nhiếp hết tất cả nhân duyên.

**Biện rằng:** Tuy vốn muốn nói sở y của tâm v.v... và trong nêu bày giải thích căn cứ rộng lập tên gọi, nhưng làm sao để rõ? Tức luận này nói, các pháp Hữu vi đều nương giá y này, nên biết căn cứ khắp. Nếu chỉ có đứng về tâm, vì sao không nói các tâm tâm sở đều nương y này? Nói các Hữu vi, lại trong sơ nếu nói ba y mỗi mỗi nhiếp hết nhân duyên, có thể như đã vặn hỏi, chỉ nói y đầu nương rộng lập tên, đâu được lấy tăng thượng duyên ấy ví dụ, nên biết sơ xác quyết thật không có lỗi.

**Sớ:** “Nếu vậy đồng thời” đến “tâm vương là sở y”.

Ý hỏi đáp này chủng và hiện đồng thời, chẳng phải tăng thượng duyên để tăng thượng lựa chọn, tâm sở đồng thời đã là tăng thượng, lại không có lựa chọn khác, lẽ ra được gọi là tăng thượng duyên y. Luận về Câu hữu y phải có chủ, sở đã chẳng phải chủ, không lựa chọn không có lỗi.

Có nghĩa nói: Đây cũng không đúng, do tên gọi câu hữu trước lẫn lộn nên nói tăng thượng, là căn chủng mong hiện nghiệp chủng tử v.v... và phù căn trần v.v... lẽ ra là y này, đã đồng có lẫn lộn tại sao riêng trách? Cho nên đối với giáo pháp của Phật không nên hiển bày lỗi.

**Biện rằng:** Lẫn lộn có thân sơ, thân vặn hỏi biện cho nên có thể phải lựa chọn, sơ là dễ biết, không mượn phân biệt, cho nên ở sau tịnh nguyệt chủng, hiện cùng nêu bày làm câu hữu. Lại trong sơ chỉ nói cả hai đều rộng hẹp đối mong có sai biệt, chỗ nào có hiển bày lỗi của Từ Tôn hư cấu chỉ trích.

**Sớ:** Chỉ có chủng tương tự, chỉ có hiện câu chủng tự câu hữu y, sở v.v... không tự, nói tăng thượng duyên cho nên lựa chủng.

**Sớ:** Nên lại lựa chọn như ở sau sẽ biện. Phần sau Tịnh Nguyệt nói, đã thừa nhận hiện thức dùng chủng làm y là các văn này.

**Sớ:** “Giả như Tiểu thừa” đến “không có tăng thượng”.

Hỏi: Nếu y tự nghĩa ba y đều không, đã giả đồng tha, sao chỉ có

hai? Bài tụng Câu-xá ghi: Tâm tâm sở do bốn, hai định chỉ do ba. Ba là trong bốn trừ sở duyên duyên, cho nên không chỉ có hai?

Đáp: Chẳng phải tăng thượng duyên đều câu hữu y, tuy có tăng thượng không có câu hữu y cũng không có lỗi.

Hỏi: Bất tương ưng căn cứ tự ba “vô” vì sao trước nói các pháp Hữu vi đều nương gá nhân này, lẽ nào bất tương ưng chẳng phải Hữu vi?

Đáp: Có nghĩa y tha thật pháp mà được sinh nên nói từ nhân sinh, chẳng phải riêng sinh.

**Biện rằng:** Hoặc nương hữu pháp nhiều phần mà nói.

**Luận:** Vô chủng đã sinh tập luận nói.

Xét Đối Pháp ghi: Vô chủng đã sinh, nghĩa là uẩn sau cùng, giải thích vô chủng đã sinh là bản luận, uẩn sau cùng là thích luận này. Nay sư Nan-đà lấy ý luận ấy để làm chứng, ý ấy thế nào? Nan-đà giải thích rằng: Nhị thừa vô học lân cận không có tâm khác gọi là uẩn sau cùng, sinh chủng uẩn này rồi vào quá khứ gọi là vô chủng, pháp sở sinh còn gọi là đã sinh, nhân đã diệt mà quả hiện còn, rõ ràng biết nhân quả ắt không đồng.

**Sớ:** Trong này văn lược.

Không dẫn văn giải thích uẩn sau cùng kia cho nên gọi là lược.

**Sớ:** Nay nhà giải thích lấy dùng làm chứng.

Tức sư Nan-đà gọi là nhà giải thích, lấy ý luận ấy dùng làm chứng.

**Sớ:** Hoặc có nhân chẳng phải nhân giới v.v...

Như trong Nghĩa Đăng quyển 1, cho nên không dẫn.

**Sớ:** Đây trước sau chung.

Thế trước sau có tên là câu hữu, chẳng phải đồng thời có gọi là câu hữu.

**Sớ:** Lúc này thiếu duyên.

Không duyên lại sinh chủng niệm sinh gọi là vô chủng, nếu vậy sao gọi là đã sinh?

Đáp: Năng sinh kia đồng thời hiện xong gọi là đã sinh, hoặc chủng hiện tại lựa chọn vị lai ấy gọi là đã sinh, lấy trước là chính. Có nghĩa chỉ nói, nếu làm lời giải này luận ấy lẽ ra nói vô chủng rồi không sinh, luận này nên nói y luận không dẫn sinh chủng sau, tại sao nói căn cứ không thể sinh chủng sau, tại sao nói căn cứ không thể sinh hậu chủng mà nói, nay riêng giải rằng: Vô chủng đã sinh, y dẫn sinh sau tự loại chủng nói,

nếu sinh hiện hành, tức mười một hữu chủng trước đã sinh, nếu vậy tại sao Tập Tập luận giải thích hữu chủng đã sinh, nghĩa là trừ La-hán sau cùng uẩn. Vô chủng đã sinh nghĩa uẩn sau cùng.

Đáp: Ý của Sư Tử Giác chủng tử lúc khác làm nhân năng sinh chủng tử, hiện hành niệm sau, tâm sau cùng này niệm chủng nhân trước chỉ có năng sinh hiện, luận bản gọi là vô chủng đã sinh, do vô chủng cho nên sau lại đoạn diệt, nay y Nan-đà cũng tức đồng với kia. Hộ Pháp không nương luận, cho nên chỉ như trước y chủng tử nói, chẳng phải Nan-đà, Sư Tử Giác v.v... sở tri kiến ý của Vô Trước Đại sư nói chủng tử trước sau cùng sinh nhau gọi là vô chủng đã sinh.

**Biện rằng:** Nghĩa có muôn đường lẽ nào không có lý này, nếu thuận hai luận sở giải thích là tối ưu. Nói vô chủng là nêu bày không có loại sau, nói đã sinh rõ ràng là cùng hiện hành đồng thời, lại câu nữa, phải để chữ “chẳng”. Luận này lẽ ra nên nói họ nương không thể mà lại dẫn sinh chủng sau, nghĩa rườm rà văn ước lược, tỉnh lược bớt chữ “đẳng”, cho nên luận ấy giải thích nói uẩn sau, nếu chỉ căn cứ chủng tự loại dẫn nhau, thời khác đều như vậy, đâu nhờ uẩn sau mà giải thích, cũng không thể nói nhà giải thích không được ý của Vô Trước, vì sao? Sư Tử Giác xếp y đi quay mặt về phương bắc, phủ phục mà tạo nên giải thích kia, lẽ nào lầm với bản chỉ? Lấy đây mà suy ra hơn kém có thể biết.

**Sớ:** Đây trở xuống tỷ lượng v.v...

Sư trước lượng rằng: Chủng sinh ở quả, quyết định có trước sau, do vì nhân quả, như giống lúa v.v... đưa ra lõi kia, giống lúa v.v... các đục năng lập không thành, lúa v.v... mà chẳng phải nghĩa thù thắng nhân quả. Giả sử nói ta thừa nhận có tha tùy theo một, căn cứ thật dụ cũng sở lập không thành, do ở sau luận nói chẳng phải cực thành cho nên không đưa ra.

**Luận:** Giống diệt mầm sinh chẳng phải cực thành v.v...

Lượng ấy đồng với trước căn cứ mầm thật, giống chẳng phải dị thời, dụ thiếu sở lập, nếu nói ta thừa nhận tức dụ sở lập tha tùy theo một lõi, lại nhân bất định; lửa, đèn, rễ sen đồng thời.

**Luận:** “Kế có câu y” đến “vì quyết định có”.

Du-già quyển 76 làm chứng này, cho nên luận kia nói, thức A-đà-na làm y chỉ làm kiến lập cho nên sáu thức thân chuyển. Trong đây có thức nhãn và sắc làm duyên sinh nhãn thức, cũng nhãn thức chung tùy theo hành đồng thời đồng cảnh có ý thức phân biệt chuyển, còn nhĩ v.v... các thức cũng vậy, nếu lúc bấy giờ một nhãn thức chuyển tức

vào lúc này chỉ có một ý thức phân biệt cùng nhãn thức đồng sở hành chuyển, nếu lúc bấy giờ hai ba bốn năm các thức thân chuyển, tức lúc này chỉ có ý thức phân biệt cùng năm thân thức đồng sở hành chuyển.

Giải thích: Ở đây có thức có thức Đà-na, dùng thức Đà-na làm chỗ nương các thức. Nói đồng cảnh có hai nghĩa:

1. Căn cứ bản chất, chất một tên đồng.
2. Căn cứ tướng phần, tướng tự tên đồng.

Sớ: Do ba nhân cho nên đồng.

Ý thức vốn muốn duyên ở cảnh trước gọi là tác ý. Nói tư dưỡng, tức bản luận nói: Hai y tư dưỡng, trong số bỏ chữ “hai”, thế nào là hai y?

Đáp: Xét kỹ số chủ Du-già trong số sao có hai giải thích: một là đồng với số này; hai là nương ý căn, tức là Mạt-na và các căn như nhãn v.v... Do nhãn thức kia nương nhãn nhận lấy cảnh, khiến ý thức kia lấy cảnh rõ ràng, do năm căn này gọi là ý trưởng dưỡng, năm căn tùy nêu một gọi là hai y.

Hỏi: Chánh nghĩa ý thức không nương nhãn v.v... đâu được lấy nhãn gọi là hai y?

Đáp: Căn cứ nhãn làm môn lấy cảnh rõ ràng gọi đó là y, không được câu hữu y gọi là y.

**Biện rằng:** Như trong số đã nói nhưng không hiển bày nghĩa của hai y, lấy Du-già số sao giải thích nghĩa thứ hai, giải thích văn kia đủ.

Sớ: Căn lìa thức, cho nên không riêng nói có.

Hỏi: Không thừa nhận căn riêng làm sao lìa thức?

Đáp: Không đồng tự cảnh là tự tướng phần gọi là lìa thức, chẳng phải nói ngoài thức riêng có thật thể, gọi là lìa thức.

**Luận:** Thức từ tự chủng sinh v.v...

Xét luận ấy giải thích rằng: Đây nói nghĩa gì? Tự sắc hiện thức từ tự chủng tử duyên hợp chuyển biến sai biệt mà sinh, Phật nương chủng và sắc sở hiện kia, như kế nói là nhãn xứ, sắc xứ, như vậy nhãn đến thân xứ, xúc xứ.

Giải thích: Tức là nhãn thức nhưng năng hiện tự cảnh tướng chuyển, lý ngoài thức không có sắc thể chân thật, nên gọi là tự sắc, thức hiện tự sắc nên nói nhãn thức gọi là tự sắc hiện, từ năng sinh rồi là chủng của thể thức, chủng này lại do cảnh giới các duyên hợp rồi khác xưa gọi là chuyển biến, do thể của thức này mới từ tự chủng sai biệt được sinh.

Sớ: Không dụng thức trước thành sở duyên ngày nay.

Hiển bày năm căn không duyên tâm tâm sở.

**Sớ:** Tướng trước cũng vậy cũng làm sở duyên.

Đây hiển bày tướng trước đủ hai chi nên thành sở duyên duyên, tướng thể trước có gọi đó là duyên, thức làm theo tướng ấy thành nghĩa sở duyên, cho nên luận Quán Sở Duyên ghi: Sở duyên duyên nghĩa là thức năng duyên mang theo tướng kia khởi, và có thật thể khiến thức năng duyên nương giá thể mà sinh.

**Sớ:** “Lại đây đã nói” đến “cũng không trái”.

Đây giải thích người ngoài vặn hỏi, tổng nêu không trái, tức kế ở sau nói từ niệm trước hiển bày lý không trái. Ý người ngoài vặn hỏi: Bài tụng nói cảnh sắc, Trường hàng nói sắc thức, nhưng sắc là đồng. Cảnh thức khác xa, Trường hàng giải thích bài tụng, lẽ nào không mâu thuẫn?

**Sớ:** “Từ trước nói niệm sau” đến “hỗ tương làm nhân”.

Ý này cho cảnh có trước và đồng thời, cho nên tụng và Trường hàng đối mong nói khác, lập tên cũng sai, lý thật cảnh trước cũng gọi sắc thức, cảnh đồng thời cũng gọi là cảnh sắc.

**Sớ:** Tức hiển bày hai niệm tương tự chủng là một.

Tướng phần niệm sau là trước hiện tướng sở huân chủng sinh gọi là một chủng.

Hỏi: Danh ngôn tướng chủng tại thức vô biên, tại sao tướng sau cần phải chủng trước khởi?

Đáp: Giả sử không lấy tướng trước chủng sinh, tức tương tự nên gọi đó là một, so sánh bài tụng ấy nói quyết định theo nhau, đồng thời cũng làm duyên, hoặc trước làm duyên sau dẫn công năng ấy. Luận ấy giải thích rằng: Cảnh tướng cùng thức nhất định theo nhau, tuy đồng thời khởi cũng làm thức duyên. Nhân Minh nói: Đây cùng với kia có không theo nhau, tuy đồng thời sinh mà cũng được có tướng nhân quả, hoặc thức tướng trước làm thức duyên sau dẫn trong bản thức sinh tự tự quả công năng khiến khởi không trái lý. Trong luận tuy không nói chủng đồng là dùng ý mà nói, sở cũng không có lỗi.

**Sớ:** “Nếu dùng kiến phần này” đến “thay nhau làm nhân”.

Đạo lý căn cảnh phải nhân nhau khởi gọi là cần dụng.

Hỏi: Kiến chủng không sinh, sắc tướng hiện hành, tướng lại không huân kiến phần chủng tử, tại sao có được nghĩa hỗ tương làm duyên?

Đáp: Do cảnh làm duyên kiến phần mới được khởi, huân thành tự chủng, thức chủng làm duyên sinh thức kiến phần kiến tướng phần sinh, cảnh nếu không có, kiến phần không sinh, kiến phần không sinh làm sao huân kiến chủng? Kiến chủng nếu không có, kiến từ đâu khởi? Kiến

phần nếu không có nhân tướng làm sao sinh? Chưa có vô tâm riêng có cảnh, do đây xa mong được hỗ tướng làm nhân.

**Biện rằng:** Xem số giải thích, một đoạn văn chủng này cùng sắc thức, bao gồm có ba tiết:

1. Do kiến chủng gọi đó là chủng, hiện gọi là sắc thức.

2. Hoặc tướng ở sau, tướng chủng gọi là chủng, hiện gọi là sắc thức, nhưng đây có hai: trước là nói về tổng tướng, sau đoạn từ ở đây đã nói v.v... trở xuống, giải thích chiết phục vạn hồi hiển bày tưng và Trường hàng hai ý sai biệt.

3. Nếu dùng kiến phần chủng trở xuống, kiến chủng gọi là chủng, hiện tướng gọi là sắc thức.

Nay thêm một nghĩa, ngược lại thứ ba ở trước, tướng chủng gọi là chủng, hiện kiến gọi sắc thức.

Hỏi: Trong bốn pháp cái nào thù thắng?

Đáp: Lý tuy đều thông, nếu thuận luận kia quyển 2 lẽ ra rất xứng hợp. Chánh thuận văn tụng, văn tụng đã nói: “Công năng, cảnh sắc vô thỉ làm nhân”, rõ ràng nói tức tướng phần chủng, hiện phân làm hai, cho nên họ giải thích rằng: Do thức năng phát so sánh biết có căn, đây chỉ có công năng chẳng phải ngoài sở tạo, cho nên trên bản thức công năng năm sắc gọi là nhân v.v... căn cũng không trái lý, công năng phát thức lý không trái, tại thức tại chỗ khác tuy không thể nói, nhưng ngoài các pháp lý chẳng phải có, quyết định lẽ ra thừa nhận tại thức này chẳng phải chỗ khác, công năng căn này cùng cảnh sắc trước, từ vô thỉ lần lược làm nhân, nghĩa là công năng này đến vị thành thực, sinh trên hiện thức năm nội cảnh sắc, nội cảnh sắc này, lại hay dẫn khởi công năng năm căn trên dị thực thức, căn cảnh hai sắc cùng với thức là một là khác, hoặc chẳng phải một chẳng phải khác, tùy theo ưa thích nên nói. Đã nói sinh năm nội sắc cảnh ấy, lại nói căn cảnh hai sắc, rõ biết công năng tức tướng phần chủng, hiện gọi là sắc thức.

**Luận:** “Nhưng mười tám giới” đến “xứ xứ đều nói”.

Xét trong Du-già quyển 51 ghi: Y tất cả chủng tử A-lại-da thức này, Bạt-già-phạm nói có nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ đến có ý giới, pháp giới, ý thức giới, do trong A-lại-da thức có chủng chủng giới. Lại như kinh nói dụ như ác-xoa tụ, do ở trong A-lại-da thức có nhiều giới, lại dẫn quyển 66 nói, tại sao chủng chủng giới, tức là mười tám giới triển chuyển dị tướng tánh, tại sao chẳng phải một giới? Nghĩa là giới ấy có vô lượng hữu tình chủng chủng sai biệt sở y trụ tánh, làm sao vô lượng giới? Nghĩa là bao gồm cả gọi là vô lượng giới. Lại trong

quyển 96 Nhiếp sự phần ghi: Trụ tự tánh giới, nghĩa là mười tám giới rơi vào tự tướng tục, mỗi mỗi đều quyết định chủng tử sai biệt. Lại nữa nói tóm lại, tuy giới chủng loại có mười tám có thể được, nhưng mỗi mỗi giới nghiệp thú hữu tình chủng chủng phẩm loại có sai biệt, cho nên phải biết vô lượng, thí như thế gian đại ác-xoa tụ, ở trong tụ này có nhiều phẩm loại, chủng loại đồng, tuy nói là một nhưng có vô lượng, như vậy ở trong mỗi mỗi giới đều có vô lượng phẩm loại sai biệt, chủng loại đồng, cho nên tuy đều nói một, nhưng thật ra là vô lượng. Lại Đối Pháp luận quyển 1 nói:

Hỏi: Nhân giới tướng thế nào?

Đáp: Nghĩa là đã từng thấy, hiện thấy sắc và chủng tử này, như tướng nhân giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tướng cũng vậy. Chuẩn theo các văn trên, mười tám giới sai khác, cho nên không thể lấy các thức chủng tử dùng làm căn. Trong Đối Pháp đã nói và chủng tử này, rõ ràng nhân v.v... căn sai biệt có chủng hiện, chẳng phải các thức chủng sự mới rõ.

**Luận:** “Liên trái với Thánh giáo” đến “nội xứ sở nhiếp”.

Xét luận Du-già quyển 54, quyển 57 ghi: Hơn nữa sắc uẩn nhiếp bao nhiêu uẩn? Bao nhiêu giới? Bao nhiêu xứ? Nghĩa là sắc uẩn nhiếp một uẩn đầy đủ, mười giới mười xứ hoàn toàn, một giới một xứ ít phần. Chuẩn theo đây cho nên chẳng phải kiến chủng làm căn. Lại trong quyển 55, văn như trong số, từ trên xuống dưới thường có chỗ sai khác, cho nên không trùng lập.

**Luận:** Không nên nói là tăng thượng duyên.

Xét trong Đối Pháp quyển 5 giải thích tăng thượng duyên đại khái có chín loại. Thứ nhất là nhậm trì tăng thượng, Sư Tử Giác giải thích, nghĩa là phong luân v.v... đối với thủy luân, khí thế gian đối với hữu tình thế gian, đại chủng đối với sở tạo, các căn đối với các thức. Giải thích phong hay trì thủy, thủy hay trì địa, cho nên phong thủy luân đều nói v.v... Do khí thế gian, đại chủng, các căn, năng trì hữu tình, sở tạo, các thức, khí, đại chủng, căn v.v... ba loại cũng gọi là tăng thượng. Lại luận Du-già quyển 56 nói nhân cùng nhân thức chẳng phải nhân chánh sinh, chỉ có kiến lập nhân, thế nên hai pháp này đồng thời mà có, các căn các thức nên biết cũng vậy.

Giải thích: Kiến lập nhân là tăng thượng duyên. Nếu năm thức chủng, tức là năm căn, cho nên trái với các văn tăng thượng duyên.

**Sớ:** Mười một chỉ có Dục giới sắc giới ràng buộc.

Nghĩa là năm sắc căn, sắc thanh xúc ba pháp, nhân nhĩ thân thức,

thiệt tỷ, hương vị sắc giới không có, ý ý thức giới và pháp giới cả ba đều thông ba cõi, do Dục giới sắc giới này chỉ có mười một.

**Sớ:** Địa trên không có tầm tứ khởi nhãn thức v.v... vắn hỏi này.

Cũng là trong này đã trái vắn. Xét luận ấy nói:

Hỏi: Sinh Tĩnh lự thứ hai hoặc sinh địa trên, nếu có tầm có tứ, nhãn v.v... thức hiện ở trước, tại sao địa này không tầm không tứ? Nếu không hiện tiền tại sao đối với hữu sắc kia các căn hữu lại lãnh thọ địa cảnh giới ấy?

Đáp: Do có tầm có tứ các thức chủng tử tùy theo không tầm không tứ Tam-ma-địa, từ tầm tứ khởi rồi được hiện tiền này. Lại khi đây khởi rồi thức hiện hành, lại vì không có tầm tứ Tam-ma-địa chủng tử tùy theo, thế nên địa này chẳng phải là một bề không tầm tứ, do hữu tình ấy ở các tầm tứ do tánh ly dục, mà ly dục cho nên địa ấy tuy gọi không có tầm tứ, do hữu tình kia đối với tầm tứ lấy tánh lia dục, nhưng vì lia dục cho nên địa kia tuy gọi là không tầm không tứ, đây lại hiện hành cũng không có lỗi. Đã nói có tầm có tứ, các thức chủng tử tùy theo mà tầm tứ được khởi, rõ biết thức chủng không phải là căn này. Nếu là căn, trước hỏi sau đáp đều không đúng lý, điều này suy nghĩ có thể hiểu, lý đã không trái, nên biết thức chủng rõ ràng chẳng phải căn.

**Sớ:** Các thức cũng lẽ ra chỉ có chủng tử ngăn ngại.

Ý vắn hỏi này cho rằng, luận nói nhãn giới thông chủng và hiện, chấp lời chỉ nói chủng mà không lấy hiện, cũng nói nhãn thức có hiện chủng, lẽ ra cũng đồng căn chỉ có lấy chủng, tức Đối Pháp nói:

Hỏi: Nhãn thức giới tướng thế nào?

Đáp: Nghĩa là y nhãn duyên sắc tự sắc liễu biệt, và chủng tử này tích tập dị thực A-lại-da thức là tướng nhãn thức giới, tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng vậy.

**Sớ:** Sáu thức cũng không có căn chỉ có lỗi của chủng.

Hỏi: Lây luôn hiện nghiệp có thể không có lỗi này, nhưng lấy nghiệp chủng lỗi làm sao tránh? Cũng trái với vắn căn thông chủng, hiện?

Đáp: Nghiệp đã có ba, rõ ràng chủng phải một, không đồng ở trước chỉ có một chủng, căn cứ một bên này để lập ngôn hoặc tuy nói nghiệp chủng cũng lấy hiện nghiệp. Giải thích sau là chính, như trong Nghĩa Đăng có nói đủ.

**Sớ:** “Nếu nói” đến “chẳng phải chỉ có Vô ký”.

Ý chống chế này cho rằng, nếu nghiệp đã thuần thực, năm thức bị chiêu cảm lý chỉ có Vô ký, khi nghiệp chưa thuần thực, năm thức sở



khởi đã chẳng phải nghiệp cảm, cho nên thông với thiện ác.

**Luận:** Lẽ ra không có nhân v.v... vì câu hữu y.

Tức thiện, nhiễm nhân lấy pháp nào làm câu hữu y, chẳng phải nghiệp chiêu lấy cho nên không thể lấy nghiệp chủng làm y.

Hỏi: Nan-đà đã thừa nhận căn thức khác thời, trách không có câu hữu lẽ nào không tương phù?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Y giáo vấn hỏi, họ không đứng về tông để trách, Du-già v.v... nói nhân v.v... làm câu y của thức.

2. Đây là vấn hỏi các nhà chống chế, các nhà chống chế tuy mượn lấy chủng làm căn, kỳ thật tự thừa nhận căn, thức đồng thời, cho nên vấn hỏi không có lỗi.

**Biện rằng:** Nay xem ý luận do thiện, nhiễm thức chẳng phải nghiệp chiêu cảm, không nương nghiệp chủng, riêng về vấn hỏi ở đây có hai pháp không câu hữu y, vốn không luận thời đồng dị.

**Sớ:** “Nay Tây phương” đến “thật có căn sai khác”.

Ý sư này căn cứ riêng tăng cho nên được làm chánh nghĩa.

**Luận:** “Lại các Thánh giáo” đến “khí thế gian v.v...”.

Xét luận Du-già quyển 51 ghi: Làm sao kiến lập sở duyên chuyển tướng? Nghĩa là nếu lược nói A-lại-da thức do ở hai chủng sở duyên cảnh chuyển, một là do liễu biệt chấp thọ bên trong, hai là do liễu biệt không phân biệt khí tướng bên ngoài. Liễu biệt chấp thọ bên trong nghĩa là năng liễu biệt Biến kế sở chấp tự tánh vọng chấp tập khí và các sắc căn, căn sở y xứ. Liễu biệt không phân biệt khí tướng bên ngoài, nghĩa là năng liễu biệt y chỉ duyên A-lại-da thức chấp thọ bên trong, trong một thời không có tướng khí thế gian gián đoạn. Lại quyển 76, kinh Giải Thâm Mật v.v... nói xứ chẳng phải một, đại khái giống nhau nên không chép, luận Trung Biên thì như sơ trước sau đã dẫn.

**Sớ:** Tức là nói có thể dừng.

Dùng nghĩa là dừng trụ, đây nói tức là dừng và thân gần, cho nên kế nói không bằng sơ trước, chữ “hoặc” là nhằm, lẽ ra thành chữ “chỉ” mới hợp lý.

**Sớ:** “Nếu không nói tha” đến “không thể tự y”.

Lỗi bất định nói, là như Thức thứ bảy hằng chuyển y tha chứng Thức thứ tám hữu y, là như Thức thứ bảy tuy lại hằng chuyển, mà không tự nương chứng Thức thứ tám vô y.

Hỏi: Nhân đối với đồng, dị hai dụ chuyển gọi là bất định, nay chỉ có Thức thứ bảy sao thành bất định?

Đáp: Tuy thể không có hai nghĩa, tức có sai khác, đối với hai nghĩa nên cũng không có lỗi.

**Sớ:** Cho nên nay sư này khiến thành nghĩa câu hữu y.

Hỏi: Khiến tâm, tâm sở lấy tự sở duyên mới thành sở y, chúng đã không thể lấy tự sở duyên, hiện mong đối với nó làm sao thành sở y?

Đáp: Bốn nghĩa sở y là tông Hộ Pháp, chẳng phải ý của sư này, không thể làm vấn hỏi.

**Sớ:** “Lại các thức hiện hành” đến “nay sơ lược không thuật lại”.

Sáu thức Dị thực không thể năng huân, hiện mong ở chúng cũng đồng với Thức thứ tám nhưng chẳng phải nhân duyên, luận lược qua không nói.

**Sớ:** “Nay không nói y” đến “mong hiện là y”.

Sáu thức Dị thực tuy không có năng huân đồng với Thức thứ tám, nhưng hiện mong chúng không có sức năng trì, không đồng Thức thứ tám hiện cùng chúng làm sở y, cho nên không lấy.

**Sớ:** Trước sau làm luận.

Bản hữu, tân huân như thứ lớp trước sau.

**Luận:** “Như Kế kinh” đến “hằng tương tục chuyển”.

Xét kinh Lăng-già quyển 9 ghi: Thể người và năm uẩn, các duyên và vi trần, thặng nhân tự tại làm, chỉ là tâm phân biệt, tâm biến tất cả xứ, tất cả xứ là tâm.

Lại nói: Nương cha mẹ hòa hợp, A-lại-da ý hợp, như chuột trong bình sữa, cùng đỏ trắng lớn lên; phách-thi, hậu, bào, sang; bất tịnh nương tiết hết, gió nghiệp nuôi bốn đại, như các quả thành tựu.

**Biện rằng:** Cùng luận đã dẫn văn tuy không đồng, yếu chỉ thì đồng, cho nên trong sơ nói, so sánh văn ấy đồng, hoặc có thể trong sơ so sánh bản tiếng Phạm đồng, không căn cứ bản Hán, bản Hán thiếu đoạn văn mà luận này dẫn.

**Sớ:** Từ ở sau nêu giải thích cũng như vậy.

Vốn rõ ràng tâm có sở y, nay trước vấn hỏi các nghĩa sở y, gọi là từ ở sau, văn giải thích đồng nêu cho nên nói cũng như vậy. Cho nên ở giải thích sau, trước là giải thích hai sai biệt, sau nói các tâm đều y nhiều ít.

**Sớ:** Nếu vậy bốn đại chủng và năm căn phù trần bốn đại.

Bốn đại chủng ban đầu tạo năm căn, sau tức tạo phù trần bốn đại kia.

**Sớ:** Trừ thức uẩn có chút phần mong nhau.

Các thức mong nhau có quyết định, nhưng chẳng phải tất cả, nên

nói chút phần, đây quyết định thức không lấy thành vấn hỏi, do quyết định thức là sở y, cho nên trừ.

**Sớ:** Đây lựa chọn thọ tướng uẩn hoàn toàn, hành uẩn chút phần.

Chỉ lựa chọn tâm sở pháp của hành uẩn, lại mạng hành uẩn cũng là chủ, nên nói chút phần, văn này không thứ lớp, tổng kết pháp lựa chọn thứ ba ở trước.

**Sớ:** Điều cần ở đây.

Nói ở đây là khiến tâm này lấy tự duyên.

**Sớ:** Luận ấy nói hữu sở y, đây nói là như vậy.

Trong luận Du-già nói hữu sở y tức là luận này đã nói đúng như vậy.

**Sớ:** Tức trước có cảnh nhãn v.v... là quả.

Do có sở duyên cùng với nghĩa có cảnh nhưng lại có sai khác, nếu có sở duyên, thể chỉ là năng duyên, nếu nói có cảnh tức thông năm căn, cần phải có sở duyên mới có sở y, nên trừ căn.

**Sớ:** Đây giải thích tất cả năng y v.v...

Đây giải thích chiết phục vấn hỏi, ý chiết phục vấn hỏi cho rằng, vốn nói sở y, vì sao lại biện các tâm năng y, cho nên giải thích tất cả pháp năng y, ý muốn đưa ra thể năng y hiển bày y kia. Sớ nói đây giải thích tất cả năng y, là nêu lại xác định.

**Sớ:** “Đây là y bên ngoài” đến “nên nói lại”.

Đây tổng kết, trước đưa ra lý do lựa chọn pháp. Y nghĩa là sở y, sắc tâm sở v.v... là pháp ngoài sở y lựa chọn, cho nên sau sở y mới chỉ ra lựa chọn nên gọi là nêu lại. Hoặc chỉ có hiển bày tâm sở để giải thích mối nghi bên ngoài, ý nghi bên ngoài cho rằng Thánh giáo đã nói chỉ có tâm tâm sở gọi là hữu sở y, tức tâm sở lẽ ra cũng thuộc sở y, nên có giải thích này. Ý giải thích này nói, đây là sở y này, nghĩa là sở y, sở là một sở y bên ngoài lựa chọn pháp, nếu không lựa chọn sở nghi đồng chủ cũng sở y, cho nên phân biệt lại gọi là nêu lại. Đối với văn kế tâm tâm sở xứ nên gọi là nêu lại.

Có nghĩa, hỏi: Vì sao riêng lựa chọn tâm sở mà chẳng phải lựa chọn cái khác?

Đáp: Người lập luận ý không nên nêu trách, do trước dẫn nói tâm tâm sở gọi là hữu sở y, tức sở tâm sở cũng là sở y nên lựa chọn tiếp, tuy đều có sở y, sở y chỉ có tâm, còn lại chẳng phải sở y, cùng hiển bày nên không nói.

**Sớ:** “Nhưng các thức” đến “lược mà không luận”.

Nhưng có cái không được làm sở y, tức trong bốn nghĩa mà thiếu

nghĩa quyết định thứ nhất.

**Luận:** “Đồng cảnh” đến “sở y sai biệt”.

Hỏi: Nhãn v.v... năm thức đắc tự tại vị thông duyên năm cảnh, thành sự trí phẩm duyên mười tám giới, năm căn làm sao cùng thức đồng cảnh?

Đáp: Căn cứ trong nhân vị chưa tự tại mà nói, lại có các giải thích, như ở sau sẽ biện rõ.

**Sớ:** Cũng làm nghĩa này vì không trái nhau.

Ba vị không có bảy nhà, cũng đồng với An Tuệ thành Thức thứ tám vô y, cũng làm nghĩa này cũng hiển bày ba vị của An Tuệ không có Thức thứ bảy.

**Sớ:** Hỏi: Lẽ ra thiết lập cù lao chẳng?

Đáp: Thức thứ sáu nương Thức thứ bảy, Thức thứ bảy nương thân gần, thân gần nương chuyển, Thức thứ sáu cũng chuyển, Thức thứ tám nương Thức thứ bảy, vì Thức thứ bảy chẳng phải thân gần.

Hỏi: Thức thứ bảy Vô lậu, Thức thứ tám chẳng chuyển, hữu chấp vô chấp hành có tương tự không tương tự nên gọi là thân không thân?

Đáp: Quyển 2 ghi: Nếu do Thức thứ tám chuyển, Thức thứ bảy mới chuyển, có thể vận hỏi Thức thứ bảy chuyển Thức thứ tám cũng chuyển, vị của Thức thứ tám chuyển thì Thức thứ bảy chuyển trước. Khi Thức thứ bảy chuyển, Thức thứ tám không chuyển, do thân sơ sai biệt, chuẩn theo trước nên biết.

Lại giải thích: Hai chấp Thức thứ sáu, thứ bảy sai vì chẳng phải chấp, Thức thứ bảy chuyển thì Thức thứ sáu cũng chuyển, Thức thứ tám không chấp, không trái hoàn toàn, cho nên không tùy theo sở y chuyển, lý này nên tư duy.

